

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNH

Vinh Sơn- Sông Hình Hydro Power Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792

Fax: 056. 3891 975

Email: hpp_vssh@evn.com.vn

Website: www.vshpc.evn.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



ISO: 9001-2008

(Theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính)

SDKK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**
Năm báo cáo: **2012**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 35 03 000058
- Vốn điều lệ: 2.062.412.460.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.062.412.460.000 đồng
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0563 892792
- Số fax: 0563 891975
- Website: www.vshpc.evn.com.vn
- Mã cổ phiếu: VSH

2. Quá trình hình thành và phát triển

* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

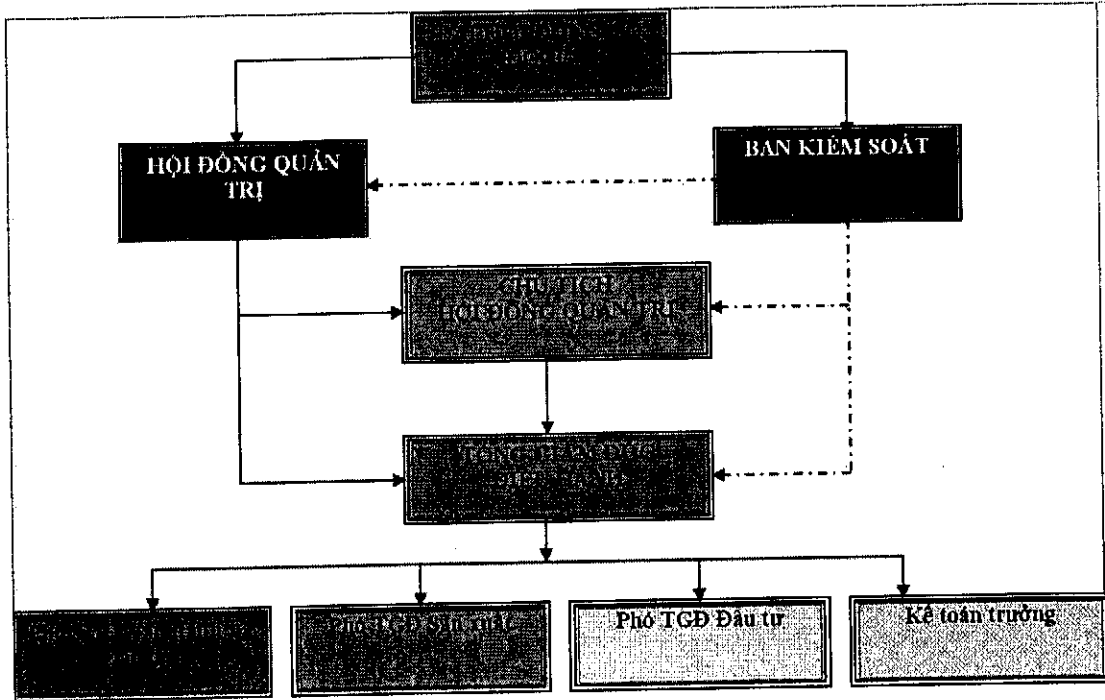
* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

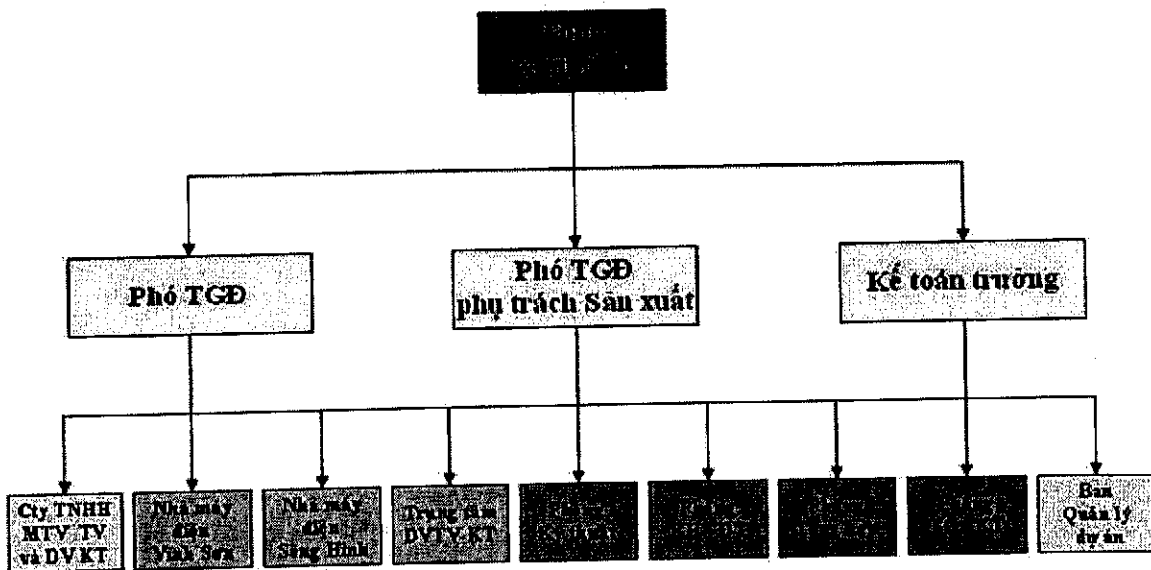
- * Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- * Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Bình Định và Phú Yên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con:

- Tên: Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát các công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

+ Công ty liên kết:

- Tên: Công ty cổ phần Du lịch Bình Định
- Địa chỉ: 08 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành.
- Vốn điều lệ thực góp: 13.520.639.142 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,72%

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

5.2. Chiến lược phát triển :

* Chiến lược phát triển ngắn hạn:

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh

- + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư: 100×10^9 đồng
- + Tiến độ thực hiện: 2009 - 2013

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

- + Công suất lắp máy: 220 MW
- + Điện lượng trung bình năm: 1.094,2 triệu kWh

+ Tổng mức đầu tư:	5.744x10 ⁹ đồng
+ Tiến độ thực hiện:	2009 - 2015
- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:	
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:	
+ Công suất lắp máy:	100 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	2.300x10 ⁹ đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:	
+ Công suất lắp máy:	30 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	777x10 ⁹ đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Về môi trường, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm và định kỳ báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh xung quanh hồ chứa cũng như nhà máy theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Về xã hội và cộng đồng, Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội của địa phương, bao gồm: tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại nhà máy và công trường; tăng thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển ngành thương mại dịch vụ quy mô nhỏ tại địa phương; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp đường, xây dựng hệ thống đường điện...

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro chung:

* *Rủi ro về kinh tế:* Trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.

* *Rủi ro về pháp luật:* Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến sản xuất và kinh doanh điện năng. Với đặc điểm hệ thống luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù:

* *Rủi ro về thời tiết:* Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát của các dự án thủy điện. Lượng trầm tích tăng lên cũng có thể làm tăng tốc độ bồi lắng lòng hồ và làm tuabin máy phát mau hư hỏng, dẫn tới giảm sản lượng phát điện. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

* *Rủi ro về giá điện:* Thị trường điện Việt Nam bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2012, các nhà máy thủy điện chỉ có thể bán điện cho đơn vị duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó còn nhiều bất cập như đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN rất khó khăn, thiếu minh bạch và thường kéo dài; giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN do vậy xuất hiện nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tình hình thủy văn cuối năm 2011 thuận lợi, cuối năm mưa nhiều tạo điều kiện cho việc tích nước các hồ chứa: hồ C, hồ B và hồ Sông Hình đều tích đủ MNDBT, vì thế công tác sản xuất điện năm 2012 tương đối thuận lợi.

- Năm 2012, EVN thực hiện lộ trình thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty là một trong các công ty phát điện phải tham gia. Để tiếp tục tham gia thị trường đạt hiệu quả, Công ty đã chuẩn bị tốt các điều kiện tham gia quản lý chào giá, nhân sự và cơ sở hạ tầng như: thông tin, hệ thống đo đếm. Ngày 01/7/2012 chính thức thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty tham gia 15/7/2012. Cuối năm 2012 tình hình thủy văn của 2 NM Vĩnh sơn và Sông Hình bất lợi, lượng mưa ít hơn nhiều năm (thấp nhất từ khi vận hành) để chủ động công ty làm các thủ tục tạm không tham gia thị trường vào ngày 4/12/2012. Với sự chuẩn bị chu đáo cho thị trường điện, nên công tác chào giá hàng ngày, hàng tuần và tháng đạt kết quả tương đối tốt.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐV: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr KWh	840,00	847,56	101.00
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	478,34	431,91	90.28
	DT từ SX điện, DV		425,84	332,19	78.01
	DT từ hoạt động TC		52,50	99,50	189.52
	DT khác		-	0,22	
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	301,44	265,53	88.09
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	226,08	233,99	103.50
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	10,96	11,35	103.56
6.	Tỷ lệ cố tức	%	10	10	100

Năm 2012, Công ty vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở giá bán điện tạm tính bằng 62,3% giá bán điện của năm 2009.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Võ Thành Trung: Tổng Giám đốc
- Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc
- Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc
- Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng.

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu:

1. Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: 260.370 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,12 %
- Quá trình công tác:
 - 12/1988-10/1994: Kế toán tổng hợp Ban QLDA công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
 - 10/1994-4/2005: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
 - 4/2005 - 4/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
 - 5/2008 - nay: Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy điện

Vĩnh Sơn – Sông Hình

2. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 03 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,00%
- Quá trình công tác:
 - 8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
 - 9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình

3. Ông Dương Tấn Tường - Phó Tổng Giám đốc sản xuất

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 18.500 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,01%
- Quá trình công tác:
 - 1999-2000: Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
 - 2000-2001: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 2001-2006: Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hình
 - 3/2007-7/2008: Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
 - 8/2008-3/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
 - 4/2009-12/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện

1/2010-nay

Vĩnh Sơn-Sông Hình
Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy
điện Vĩnh Sơn-Sông Hình

4. Ông Huỳnh Công Hà – Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: Không
- Tỷ lệ sở hữu CP: Không
- Quá trình công tác:
 - 01/1987 – 09/1993: Kế toán tổng hợp, Công ty Vật tư thành phố Quy Nhơn
 - 10/1993 – 04/2008: Thanh tra viên, Thanh tra tỉnh Bình Định
 - 05/2008 – 10/2008: Thanh tra viên chính, Thanh tra tỉnh Bình Định
 - 11/2008 – 06/2009: Phó phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình.
 - 07/2009 – nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Phạm Văn Dũng: Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/10/2012.

2.4. Cán bộ nhân viên:

- * Số lượng: 158 người
- * Các chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham

gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Thu hút nhân tài: Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Phúc lợi: Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm: Không có.

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

a. Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

a1. Công trình phụ trợ:

- Trong năm 2012, đã thi công xây dựng hoàn thành các hạng mục: Đường tránh ngập tĩnh lộ 676: lý trình từ Km20 - Km26 và đường tránh ngập Vi Xây - Măng Bút.

- Triển khai thi công hạng mục: Đường dây 22 kV tránh ngập lòng hồ.

- Triển khai thi công hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp tỉnh lộ 676, lý trình Km 26- Km32.

- Khu quản lý vận hành: đã thi công được 50% khối lượng của hạng mục này.

a2. Công trình chính:

Năm 2012, Chủ đầu tư đã thúc đẩy thi công tất cả các hạng mục công trình chính như: Tuyến áp lực, Tuyến năng lượng, Cửa nhận nước, Hàm giao thông, Trạm phân phối...

* Tuyến áp lực: gồm đập dâng, đập tràn

- Thi công hoàn thành hàm dẫn dòng (640m)

- Thi công đắp đất, đá đập dâng và đào tràn xả lũ.

Đảm bảo công tác dẫn dòng vào cuối tháng 01/2013.

* Tuyến năng lượng:

- Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hàm dẫn nước (hướng đào từ trên xuống):

+ Thi công hoàn thành phần gia cố mái CNN.

+ Thi công hoàn thành 956md đường hàm dẫn nước (bằng phương pháp khoan nổ), lũy kế tổng khối lượng đào được là 2148md đường hàm.

- Hàm dẫn nước: hướng đào từ dưới lên bằng máy đào TBM. Nhà thầu đã hoàn thành việc mua thiết bị đào TBM, đã vận chuyển, lắp đặt và đưa vào vận hành thử từ tháng 10/2012, đến nay đã đưa vào vận hành chính thức; đến cuối năm 2012 đào được hơn 300md đường hàm.

- Hàm giao thông: thi công hoàn thành 1.512/ 1.700 md

- Hàm phụ số 1: đã thi công được 520md. Kết thúc khoan nổ thử công, Nhà thầu tiến hành thi công bằng thiết bị TBM.

- Hàm phụ số 2: đã thi công được 597md/632md.

- Hàm xả: đã thi công được 617md/1.812md

- Trạm phân phối: đã thi công được 144.000 m³ đất đá, hiện nay Nhà thầu đang tập trung đào giếng đứng.

* Mua sắm thiết bị cơ điện: Tổ chức đấu thầu rộng rãi quốc tế, lựa chọn và ký kết hợp đồng với Nhà thầu Andritz Hydro – Áo.

a3. Thu xếp vốn cho dự án: thông qua các phương án

- Tiến hành các thủ tục để Phát hành trái phiếu doanh nghiệp

- Đàm phán với các ngân hàng thương mại trong nước để vay vốn cho dự án.

- Vay vốn cho gói thiết bị cơ điện từ nguồn tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng Raiffeisen Landesbank (Áo): đang tiến hành thương lượng hợp đồng với phương án tỷ lệ lãi suất cho vay thả nổi USD libor 6 tháng + margin 2,97% trong thời gian 34 tháng. Đến thời điểm trả lãi có thể hoán đổi sang lãi suất cố định.

a4. Công tác bồi thường - GPMB, di dân tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất:

- Công tác bồi thường - GPMB: do Hội đồng bồi thường - GPMB của huyện KonPlong đảm nhận. Đến nay các hạng mục chính: CNN, Tuyến áp lực, khu vực nhà máy, hầm giao thông, hầm xả đã được bàn giao mặt bằng để thi công. Trong năm 2012 đã giải ngân được 46 tỷ đồng.

- Công tác di dân tái định cư: do địa phương làm Chủ đầu tư, đến nay khối lượng thực hiện có chậm so với tiến độ đề ra.

- Công tác chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi và bàn giao đất:

Trong năm 2012, UBND tỉnh Kon tum đã có thông báo thu hồi toàn bộ đất các loại nằm trong phạm vi xây dựng dự án, với diện tích 1.034 ha; có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng 162 ha đất rừng, giao Chủ đầu tư để xây dựng các hạng mục công trình: Tuyến áp lực, CNN, Đường dây 35 kV và các tuyến đường.

UBND huyện Kon Plong đã có quyết định thu hồi 218 ha đất sản xuất của các hộ gia đình nằm trong phạm vi lòng hồ và nhà máy.

Trong năm 2012, UBND tỉnh Kon Tum đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng trong khu vực lòng hồ, Công ty đã làm việc với các Bộ ngành liên quan để đồng thuận và đã có văn bản trình Thủ tướng chính phủ cho phép chuyển đổi.

b. Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Do điều kiện thu xếp vốn khó khăn, và để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng dự án. Ban QLDA chỉ thi công hoàn thiện các công trình phụ trợ như: đường vào nhà máy, đường vào tuyến đập và nhà quản lý điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn.

c. Các Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh:

** Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn:*

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ công thương.

** Nâng cấp hồ Sông Hinh:*

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện M Đ'răk thuộc tỉnh Đăk Lăk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

3.2. Các công ty con và công ty liên kết: (đến 31-12-2012)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty liên kết
1. Tổng tài sản	6,71	31,82
2. Vốn điều lệ thực góp	5,00	13,52
3. Tỷ lệ sở hữu	100%	49,72%
4. DT bán hàng và dịch vụ	7,90	17,46
5. Lợi nhuận trước thuế	0,92	5,03
6. Lợi nhuận sau thuế	0,74	3,79
7. Lợi nhuận chuyển về CT	0,18	1,74

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: (đến 31-12-2012)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	3.345,73	3.382,41	1.11
2. DT bán hàng và dịch vụ	459,41	332,19	-27.66
3. Doanh thu tài chính	138,20	97,76	-29.71
4. LN thuần từ hoạt động KD	356,92	263,66	-26.12
5. Lợi nhuận khác	0,21	0,13	-38.09
6. Lợi nhuận từ công ty liên kết	6,55	1,74	-73.43
7. Lợi nhuận trước thuế	363,69	265,53	-26.99
8. Lợi nhuận sau thuế	329,03	233,99	-28.87
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (10%)	62,68%	88,14%	40.61

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
Cơ cấu tài sản				
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54.13	43.39	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45.87	56.61	
Cơ cấu nguồn vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29.92	27.55	
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70.03	72.41	
Khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2.44	2.04	
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.42	3.63	
Tỷ suất lợi nhuận				
- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9.83	6.92	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	55.03	54.42	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	15.95	11.35	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2012: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2012: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 19/12/2012)

Số cổ phần hiện tại: 206,241,246 CP (6.582 cổ đông)

Trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112,514,878 CP chiếm 54.55%
- Cổ đông CBCNV công ty sở hữu : 1,117,488 CP chiếm 0.54%
- Cổ phiếu quỹ : 4,000,000 CP chiếm 1.94%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 88,608,880 CP chiếm 42.97%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 36,401,494 CP chiếm 17,65%

* Cổ đông là tổ chức	:	9,477,640 CP chiếm	4,60%
* Cổ đông là cá nhân	:	26,923,854 CP chiếm	13,05%
+ Cổ đông nước ngoài sở hữu	:	52,207,386 CP chiếm	25,32%
* Cổ đông là tổ chức	:	50,527,632 CP chiếm	24,50%
* Cổ đông là cá nhân	:	1,679,754 CP chiếm	0.82%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2012: 4.000.000 cổ phiếu quỹ.
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp, Công ty đã có những chính sách thận trọng trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2012 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

- Việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh năm 2012 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty có nhiều thuận lợi về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc tình hình thời tiết thuận lợi đã tạo điều kiện tích đủ nước cho các hồ chứa là việc tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện.

- Năm 2012, Công ty vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở giá bán điện tạm tính bằng 62,3% giá bán điện của năm 2009.

- Công tác đầu tư xây dựng các dự án về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về tiến độ kế hoạch đề ra, những kết quả đã đạt được bước đầu sẽ tạo tiền đề tốt cho việc tổ chức thực hiện dự án trong các năm tiếp theo

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2012 Công ty đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

**Trong công tác quản lý:*

Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

Hoạt động của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH cũng đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần giảm chi phí đầu tư các dự án và đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

**Trong công tác kiểm soát:*

Năm 2012, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2012 có tăng hơn so với tại thời điểm 31/12/2011 do tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tài sản ngắn hạn: giảm, chủ yếu là do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã thanh toán gần hết khoản nợ vay của Công ty (tính đến 31/12/2012, EVN đã thanh toán 400/500 tỷ đồng).
- Tài sản dài hạn: tăng, chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đầu tư xây dựng các dự án trong năm.

Trong cơ cấu tài sản không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả hiện tại: Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn, không có biến động lớn về các khoản nợ. Cụ thể:

- Vay và nợ ngắn hạn: Với tình hình hiện tại là đang đàm phán để ký kết các hợp đồng trung dài hạn cho các dự án, Công ty tạm thời sử dụng dòng tiền hiện có để đối ứng vay ngắn hạn thanh toán cho các dự án. Khoản vay này sẽ được chuyển sang trung dài hạn khi ký hợp đồng tài trợ chính thức cho dự án.
- Vay và nợ dài hạn: Chủ yếu là các khoản vay dài hạn của nước ngoài để xây dựng nhà máy thủy điện Sông Hinh. Các khoản vay này sẽ được trả hết vào năm 2035.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch tỷ giá cũng không có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì số dư nợ ngoại tệ còn tương đối thấp và trong năm cũng không có biến động lớn về tỷ giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2012, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra, việc thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH đã đem lại những hiệu quả thiết thực, ngoài việc giảm chi phí đầu tư các dự án còn làm giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn, góp phần đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2012, Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án thủy điện đúng tiến độ phù hợp với chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Do vậy, việc phát huy các nguồn vốn tích lũy hiện có của Công ty và nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo phải thực hiện linh hoạt và đồng bộ. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:

Nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà

máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cố tức ổn định cho cố đông khi phát hành tăng vốn điều lệ và vốn tự có đối ứng để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

- Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ công thương.
- Nâng cấp hồ Sông Hinh: Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện MĐ'rawk thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:

- Dự án Thượng Kon Tum: triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đã được Đại hội cố đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, đảm bảo phát điện vào cuối năm 2015.
- Dự án Vĩnh Sơn 3: Hiện tại để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng thực hiện dự án. Đến thời điểm thích hợp, dự án sẽ được tiếp tục thực hiện.

4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:

- Năm 2012 tình hình tài chính của thế giới và trong nước chưa ổn định, đặc biệt là tình hình nợ xấu tăng cao ở các ngân hàng thương mại nên phần nào ảnh hưởng đến việc huy động vốn để thực hiện dự án của Công ty. Hiện tại Công ty đang hoàn thiện thủ tục huy động vốn ODA cho dự án Vĩnh Sơn 3 lập các thủ tục cho các dự án ngắn hạn tại hệ thống Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Dự kiến khi tình hình tài chính ổn định vào cuối năm 2013, Công ty sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi dự án cần vốn. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tài chính để đảm bảo đến năm 2015, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2012 là năm Công ty tiếp tục thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh do tình hình thủy văn cuối năm 2011 thuận lợi, cuối năm mưa nhiều, tạo điều kiện tích đủ nước các hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh; Công tác vận hành điều tiết các hồ chứa Vĩnh Sơn đạt hiệu quả cao, đặc biệt là chuyển nước từ hồ C

sang hồ B và tích nước cao hồ B vào cuối mùa lũ 2011. Tuy nhiên mùa mưa cuối năm 2012 ít hơn trung bình nhiều năm nên Công ty đã chủ động làm việc với Trung tâm Điều độ hệ thống Điện Quốc gia giảm công suất và thời gian phát điện, để dành cho năm 2013 nên sản lượng điện Quý IV thấp hơn nhiều năm và sản lượng điện phát cả năm 2012 thấp hơn so với năm 2011.

Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

Năm 2012, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả các nhân viên trong Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh tài chính và đầu tư xây dựng đều đạt kết quả tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều vượt kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Nhìn chung, Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh điện năng năm qua có nhiều thuận lợi, vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra. Phần kinh doanh tài chính đã rất thận trọng nên đã không bị ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính mà còn mang lại hiệu quả cao. Lợi ích cho Công ty, cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp được đảm bảo.

Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động đều; có sự năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2013, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

3.1. Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện: Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư. Cụ thể như sau:

** Dự án thủy điện Thượng Kon Tum*

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công tất cả các hạng mục công trình chính là: Tuyến năng lượng, Tuyến áp lực, Cửa nhận nước, Hàm xả, Nhà máy ngầm, Trạm phân phối 220 kV..

- Thi công xây dựng hoàn thành các công trình phụ trợ, như: hạng mục: Đường dây 22 kV tránh ngập lòng hồ; hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp tinh lộ 676, lý trình từ Km26 - Km32.

- Hoàn thành cơ bản công tác đền bù - giải phóng mặt bằng;

- Phối hợp với địa phương thực hiện công tác di dân, tái định cư đảm bảo theo tiến độ đề ra.

** Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:*

- Hoàn thiện các yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định về bảo đảm môi trường xây dựng các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập;

** Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn:*

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước.

** Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Sông Hinh:*

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện Ma Đ'Răk thuộc tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực: Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

3.3. Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp: Cân đối nguồn vốn (từ vốn tích lũy và vốn vay) để sử dụng cho các dự án đầu tư trong năm 2013 của Công ty một cách hiệu quả nhất. Phần còn lại, thực hiện vào đầu tư tài chính ngắn hạn, đem lại lợi nhuận cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào kế hoạch giải ngân cho các dự án thủy điện Thượng Kon Tum, và các dự án khác trong năm 2013. Dự kiến, giải ngân vốn vay của các NH vào Quý II năm 2013; việc xác định vốn đối ứng 30/70 để điều chỉnh cho phù hợp với số tiền Công ty đã giải ngân các năm trước, tạo dòng tiền tốt nhất cho SXKD.

3.4. Quản trị doanh nghiệp: Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.1.1. Danh sách:

- Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT

- Ông Nguyễn Đức Đồi - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 30/11/2012)
- Ông Nguyễn Việt Thắng - Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 30/11/2012)

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành

1.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	37.828.682	18.513	37.810.169	18,33
2. Võ Thành Trung	Ủy viên	25.467.149	260.370	25.206.779	12,22
3. Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên	49.497.896	0	49.497.896	24,00
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên	0	0	0	0
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	19.847.480	0	19.847.480	9,62

1.1.3. Chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	- Chủ tịch CT, Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH
Võ Thành Trung	Ủy viên	- Chủ tịch HĐQT, CTCP Du lịch Bình Định
Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Nhiệt điện Hải Phòng - TV HĐQT, CTCP Nông sản Tân Lâm
Phan Hồng Quân	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Lọc hóa dầu Việt Nam - TV HĐQT, CTCP Đầu tư XNK Trần Thành
Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Chứng khoán Phương Hoàng - TV HĐQT, CTCP Đầu tư TC Phương Hoàng - TV HĐQT, CTCP Thực phẩm Việt Nam

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ 04 lần, họp qua thư 22 lần, thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tập trung vào các vấn đề sau:

- 1- Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp đều có kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý và đề ra nhiệm vụ công tác cho quý sau phù hợp với các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đã điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với diễn biến thời tiết và thị trường điện.
- 2- Triển khai đầu tư xây dựng: luôn thực hiện bám sát tiến độ của dự án và các quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông. Đồng thời, vẫn tích cực thúc đẩy công tác chuẩn bị đầu tư các dự án chưa phê duyệt để có thể triển khai được ngay sau khi đủ điều kiện.
- 3- Đàm phán giá bán điện: đến nay Công ty VSH và Công Mua bán điện đã thực hiện xong việc đàm phán giá điện theo giá bình quân 563đ/kwh và đã trình EVN xem xét.
- 4- Khoản vay 500 tỷ đồng của EVN: đã thu hồi 500 tỷ đồng của EVN.
- 5- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế phục vụ công tác quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty.
- 6- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định, ban hành những quyết định cụ thể sau:

- *Công tác đầu tư xây dựng Dự án Thượng Kon Tum*

- Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ và xây dựng nhà làm việc cho cán bộ, chiến sỹ bảo vệ công trình thủy điện Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt hỗ trợ bổ sung phương tiện xe máy tuần tra cho cán bộ, chiến sỹ bảo vệ công trình TĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt dự toán sửa chữa đảm bảo giao thông đợt 2/2011 DATĐ Thượng Kon Tum: Đường TL676, Đường vào xã Măng Bút, Đường vào thôn Vi Rơ Ngheo và Đường vào xã Đăk Tăng.
- Phê duyệt kết quả đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, gói thầu TKT-3.2.4A: Thi công xây dựng cầu Đăk tăng TL 676, lý trình Km26 - Km32, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt kết quả đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, gói thầu TKT-22.2.1a: Thi công san nền, xây dựng nhà làm việc, nhà công vụ khu quản lý vận hành nhà máy, DATĐ Thượng Kon Tum.

- Phê duyệt dự toán bổ sung gói thầu TKT-27.2.3 thi công xây lắp ĐZ 35 kV và trạm biến áp DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt dự toán chi phí quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp cấp điện thi công năm 2012, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt nhiệm vụ mô tả địa chất và chi phí thuê chuyên gia mô tả địa chất đường hầm dẫn nước từ Km 0+270 đến hết kênh xả, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt Thiết kế BVTC và dự toán hạng mục đảm bảo giao thông ngầm thôn 2 Ngọc Tem, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt Đề cương và Dự toán chi phí tổ chức hội thảo “Báo cáo công tác đánh giá tác động môi trường DATĐ Thượng Kon Tum”.
- Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Đường phục vụ thi công Sơn Lập – Nhà máy, DATĐ Thượng Kon Tum. Phê duyệt phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn, vật nổ hạng mục Đường phục vụ thi công Sơn Lập – Nhà máy, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt dự toán chi phí thẩm tra Thiết kế kỹ thuật và chi phí thuê chuyên gia thẩm định hạng mục: Tuyến năng lượng đoạn 2 – DA Thủy điện Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu TKT- 4.2.2.1 cung cấp thiết bị cơ điện dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu TKT-E&EL₂-4.2.2.1: Cung cấp thiết bị cơ điện, DATĐ Thượng Kon Tum.
- Phê duyệt đề cương dự toán tư vấn lập báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường năm 2012, DATĐ Thượng Kon Tum. Giao cho Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Kon Tum thực hiện.
- Phê duyệt bổ sung hợp đồng 786/2010/HĐ-VSH-LD ngày 17/9/2010: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt tuyến áp lực, DATĐ Thượng Kon Tum;
- Phê duyệt hiệu chỉnh Thiết kế cơ sở Tuyến áp lực bao gồm đập dâng và đập tràn, dự án thủy điện Thượng Kon Tum; Lựa chọn Công ty tư vấn xây dựng điện 3 là đơn vị thẩm tra.
- Thông qua chủ trương hỗ trợ sửa chữa tuyến đường từ Sơn Hà – Sơn Tây và Sơn Lập – Ngọc Tem theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ngãi với số tiền:
 - Đường từ Sơn Hà – Sơn Tây : 15 tỷ đồng;
 - Đường từ Sơn Lập – Ngọc Tem : 10 tỷ đồng.
- Công tác đầu tư xây dựng Dự án Vĩnh Sơn 3
- Phê duyệt đề cương dự toán khảo sát thiết kế ĐZ 110 kV đấu nối NMTĐ VS3 vào HTĐ Quốc gia, DA Vĩnh Sơn 3.
- Phê duyệt thiết kế BVTC và DT hạng mục: Đường giao thông vận hành- khắc phục các tồn tại của Tuyến đường vào Đập chính, DATĐ Vĩnh Sơn 3.

- Công tác đầu tư phát triển khác:

- Về thu xếp vốn đầu tư xây dựng dự án Thượng Kon Tum: HĐQT thông qua báo cáo của TGD về phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp: Giao BDH xây dựng theo 3 phương án trình HĐQT xem xét:

- Trái phiếu chuyển đổi;
- Trái phiếu không chuyển đổi;
- Trái phiếu chuyển đổi 50%.

- Hợp đồng vay vốn cho gói thiết bị cơ điện từ nguồn tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng Raiffeisen Landesbank (Áo): Phê duyệt phương án vay vốn để thực hiện Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện, DATĐ Thượng Kon Tum: Vay USD của nước ngoài với lãi suất thả nổi 3,69% năm; Nhất trí thông qua dự thảo hợp đồng với phương án tỷ lệ lãi suất cho vay thả nổi trong thời gian 34 tháng. Đến thời điểm trả lãi có thể hoán đổi sang lãi suất cố định.

- Về dự thảo của hai Hợp đồng vay vốn cho dự án Thượng Kon Tum với ngân hàng ACB và Hợp đồng với hợp vốn ngân hàng BIDV: Giao BDH tính toán lại chi tiết thời điểm vay của các hợp đồng cho phù hợp với tiến độ dự án. Làm việc với các ngân hàng ACB, BIDV và Quân đội để có văn bản chính thức cam kết cho vay. Tiến hành thương thảo hợp đồng vay vốn với các ngân hàng trình HĐQT phê duyệt.

- Nhất trí phê duyệt HSMT, kết quả đấu thầu, lựa chọn Nhà thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán, quyết toán dự án DATĐ Thượng Kon Tum.

- Công tác khác:

- Phê duyệt chi phí Ban QLDA thủy điện VSH năm 2012; Bổ sung và sửa đổi ngành nghề kinh doanh của công ty TNHH MTV TVDV VSH.

- Thông qua kết quả SXKD năm 2011 và kế hoạch năm 2012 của Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ VSH.

- Về phương án phát hành trái phiếu:

- Thông qua việc lựa chọn hai đơn vị tư vấn lập phương án phát hành trái phiếu gồm Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) và Công ty cổ phần tài chính điện lực (EVNFINANCE)
- Thông qua phương án huy động vốn và phát hành trái phiếu cho dự án Thượng Kon Tum.

- Về tổ chức nhân sự của Ban QLDA thủy điện VSH: Nhất trí các nội dung:

- Ông Phạm Văn Dũng thôi chức Phó Tổng giám đốc công ty, thôi kiêm nhiệm chức Trưởng Ban QLDA để giữ chức Phó Ban QLDA thủy điện VSH phụ trách chuyên môn kỹ thuật tại công trường kể từ ngày 01/10/2012.
- Điều động ông Lương Công Lũy thôi chức Giám đốc Công ty TVDV VSH để giữ chức Trưởng Ban QLDA thủy điện VSH kể từ ngày 01/10/2012.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó phòng Giám sát Công ty TVDV VSH giữ chức danh Giám đốc phụ trách Công ty TVDV VSH kể từ ngày 01/10/2012.
- Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ kèm theo, Dự án nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H1 nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn:
- Nhất trí phê duyệt kết quả đấu thầu cung cấp, lắp đặt và các dịch vụ kèm theo gói thầu Nâng cấp hệ thống điều khiển DCS Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn:
- Phê duyệt kinh phí hỗ trợ đầu tư công trình thủy lợi phục vụ tưới ruộng TĐC công trình Hồ C - thủy điện Vĩnh Sơn.
- Thông qua Báo cáo của HĐQT, TGD (Phân phối lợi nhuận năm 2010 và 2011; Kế hoạch kinh doanh năm 2012).
- Nhất trí thông qua kế hoạch cổ tức năm 2012 là 10%. Tạm ứng cổ tức năm 2012 cho cổ đông là 6%, thực hiện trong năm 2012.

1.4. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Nguyễn Văn Thanh
- Ông Võ Thành Trung
- Ông Nguyễn Việt Thắng
- Ông Phan Hồng Quân
- Ông Nguyễn Hồng Sơn

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Trưởng BKS
- Ông Nguyễn Trung Hậu – Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Xuân Việt Anh – Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 30/11/2012)
- Ông Nguyễn Đức Anh - Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 30/11/2012)

Ban kiểm soát gồm 03 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Thị Thu Hà	Tr. ban	0			
2. Nguyễn Trung Hậu	T. viên	0			
3. Nguyễn Đức Anh	T. viên	0			

2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát tham gia họp định kỳ 04 lần và tiến hành kiểm soát trực tiếp tại Công ty 02 lần, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định theo pháp luật và quy định của Công ty. Ý kiến kết luận của Ban Kiểm soát như sau:

- Sổ sách, chứng từ tại công ty được quản lý, lưu trữ đầy đủ và khoa học.
 - Công ty thực hiện theo dõi hạch toán riêng cho hai hệ thống kế toán: kế toán sản xuất kinh doanh và kế toán xây dựng cơ bản và tiến hành họp nhất báo cáo của hai hệ thống trên.
 - Công ty theo dõi, hạch toán riêng các khoản nợ vay, các khoản chi cho hoạt động đầu tư của các dự án để đảm bảo tính độc lập của các dự án.
 - Đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.
 - Hạch toán các khoản lãi vay, phân bổ các khoản trả trước dài hạn như công cụ, dụng cụ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.
 - Đã đánh giá lại số dư ngoại tệ tại các khoản công nợ phải thu - phải trả tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
 - Đã hạch toán theo chế độ dự thu dự chi, cụ thể: doanh thu từ việc sản xuất kinh doanh điện đã ghi nhận theo đúng thời điểm (vào ngày cuối cùng của các tháng), các chi phí phải trả như: lãi vay được trích trước và hạch toán vào chi phí các tháng.
 - Đã thực hiện trích khấu hao theo đúng phương pháp đường thẳng, đảm bảo tính nhất quán cho về cách hạch toán chi phí trong kỳ.
 - Đã thực hiện mua bảo hiểm tài sản.
- Các nhận xét đặt biệt khác: Không.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐV: triệu đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số	Trong đó		
			Lương, Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
Hội đồng quản trị (*)					
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	583,33	583,33		
3. Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên				
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên				
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên				
Ban Giám đốc					
1. Võ Thành Trung	TGD	705,73	705,73	21,01	
2. Hoàng Anh Tuấn	PhóTGD	461,56	440,55		
3. Dương Tấn Tường	PhóTGD	462,09	441,08		
Ban Kiểm soát (*)					
1. Nguyễn Thị Thu Hà	Tr. ban				
2. Nguyễn Trung Hậu	T. viên				
3. Nguyễn Đức Anh	T. viên				
4. Nguyễn Xuân Việt Anh	T. viên				

(*) Năm 2012 do chưa ký được hợp đồng mua bán điện nên chi tạm chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT, còn thù lao của các thành viên HĐQT không chuyên trách và Ban kiểm soát sẽ được thực hiện khi thỏa thuận được giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị: Không có
 Ban Kiểm soát: Không có
 Ban Giám đốc: Không có
 Kế toán trưởng: Không có
 Thư ký công ty: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/03/2013, từ trang 4 đến trang 26. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010, 2011 và năm 2012. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của

Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

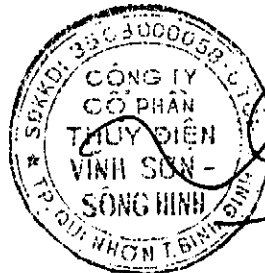
Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0733/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm)

CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH



Nguyễn Văn Thanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

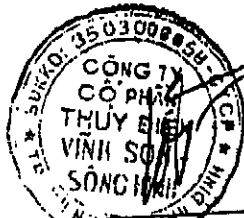
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.467.516.629.020	1.811.131.832.651
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	640.342.507.484	482.797.391.011
1. Tiền	111		13.725.507.484	3.797.391.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		626.617.000.000	479.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		181.118.326.000	699.583.062.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	181.118.326.000	709.185.326.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(9.602.264.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		598.779.150.626	603.244.857.655
1. Phải thu khách hàng	131		143.309.993.065	218.400.591.186
2. Trả trước cho người bán	132	7	431.970.413.857	358.806.658.584
3. Các khoản phải thu khác	135		23.498.743.704	26.037.607.885
IV. Hàng tồn kho	140	8	30.927.437.465	25.420.521.985
1. Hàng tồn kho	141		38.893.126.975	33.386.211.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.349.207.445	86.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.320.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.956.389.711	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		351.497.734	86.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		1.914.895.846.476	1.534.601.224.067
I. Tài sản cố định	220		1.898.614.047.965	1.518.890.038.781
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	985.490.166.686	1.060.821.965.402
- Nguyên giá	222		2.959.240.478.190	2.948.317.183.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.973.750.311.504)	(1.887.495.217.609)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	913.123.881.279	458.068.073.379
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.520.639.142	12.942.480.766
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	13.520.639.142	12.942.480.766
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.761.159.369	2.768.704.520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		146.757.690	154.302.841
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.382.412.475.496	3.345.733.056.718

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		931.961.694.964	1.000.975.875.665
I. Nợ ngắn hạn	310		720.085.160.107	742.948.979.463
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	591.015.250.928	522.019.557.378
2. Phải trả người bán	312		11.058.429.001	25.116.453.314
3. Người mua trả tiền trước	313		1.155.829.000	985.354.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	67.928.339.121	58.290.820.405
5. Phải trả người lao động	315		5.395.728.189	5.755.068.146
6. Chi phí phải trả	316		3.516.009.993	3.779.331.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	38.304.930.339	126.696.572.833
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.710.643.536	305.821.519
II. Nợ dài hạn	330		211.876.534.857	258.026.896.202
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	211.876.534.857	257.844.485.957
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			182.410.245
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.450.450.780.532	2.344.757.181.053
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.449.203.529.076	2.343.097.744.825
1. Vốn điều lệ	411	16	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	16	(47.117.531.962)	(47.117.531.962)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(7.338.762.414)	(7.752.006.653)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	392.867.363.452	287.174.823.440
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.247.251.456	1.659.436.228
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.247.251.456	1.659.436.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.382.412.475.496	3.343.733.056.718



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2012	2011
	số	minh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	10	17	332.190.919.819	459.415.356.047
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	154.577.429.886	185.734.392.992
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		177.613.489.933	273.680.963.055
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	97.758.266.312	138.203.880.107
5. Chi phí tài chính	22	20	(5.378.875.264)	36.385.902.782
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.223.388.736	4.126.964.228
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.091.969.237	18.578.126.091
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		263.658.662.272	356.920.814.289
8. Thu nhập khác	31		220.388.744	257.892.806
9. Chi phí khác	32		87.565.072	40.707.301
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		132.823.672	217.185.505
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.741.613.876	6.553.287.830
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		265.533.099.820	363.691.287.624
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	31.535.026.822	34.655.328.021
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		233.998.072.998	329.035.959.603
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.157	1.627



Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/VN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	265.533.099.820	363.691.287.624
		(19.125.072.232)	12.868.545.400
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	85.753.683.220	116.988.450.809
- Các khoản dự phòng	03	(9.602.264.000)	9.602.264.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	20.354.746.470
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(99.499.880.188)	(138.203.880.107)
- Chi phí lãi vay	06	4.223.388.736	4.126.964.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	246.408.027.588	376.559.833.024
- Thay đổi các khoản phải thu	09	53.587.955.481	(66.938.426.607)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.506.915.480)	16.736.247.042
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	2.746.207.989	21.208.554.352
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(33.774.849)	17.776.382
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.710.887.631)	(35.723.667.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.814.190.909)	(22.724.881.266)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	67.196.981
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(3.861.958.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	256.676.422.189	285.340.673.312
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(547.652.649.082)	(428.120.842.893)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	-	(233.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	402.067.000.000	75.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.459.806.277	151.907.157.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.125.842.805)	(434.713.685.055)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.001.172.528.499	551.643.031.328
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(977.731.541.810)	(318.441.821.494)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(83.446.449.600)	(278.448.596.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(60.005.462.911)	(45.247.386.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	157.545.116.473	(194.620.397.909)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	482.797.391.011	677.417.788.920
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	640.342.507.484	482.797.391.011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ:

Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác không bao gồm số tiền 126 tỷ VND là khoản cổ tức phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện bằng cách bù trừ khoản cho vay theo Công văn số BT36/EVN-TCKT ngày 29 tháng 3 năm 2012.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 37.898.298.000 VND là cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán cho các cổ đông.

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 73.258.826.362 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình và không bao gồm 8.878.081.094 VND là giá trị khối lượng xây dựng cơ bản dở dang đã hoàn thành nhưng chưa được thanh toán trong năm.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 127 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vinh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với nhà máy thủy điện Vinh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2012 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong năm của Công ty bao gồm các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty sẽ thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và đi vào hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.000.272.060	949.843.016
Tiền gửi ngân hàng	12.725.235.424	2.847.547.995
Các khoản tương đương tiền (i)	626.617.000.000	479.000.000.000
	<u>640.342.507.484</u>	<u>482.797.391.011</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 533.050.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	150.433.000.000	678.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng (ii)	50.433.000.000	178.500.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (iii)	100.000.000.000	500.000.000.000
	<u>181.118.326.000</u>	<u>709.185.326.000</u>

(i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Khoản cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo hợp đồng đáo hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2011. Lãi suất cho vay trong kỳ từ 9%/năm đến 14%/năm. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, khoản vay đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng với số tiền là 284.057.318.817 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng chủ yếu để thi công các hạng mục khác thuộc dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.095.930.654	32.138.041.223
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.797.196.321	1.248.170.272
	<u>38.893.126.975</u>	<u>33.386.211.495</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>30.927.437.465</u>	<u>25.420.521.985</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vinh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vinh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	2.053.968.738	857.893.964	27.131.564	9.322.917	2.948.317.183
Tăng trong năm	-	8.197.236	896.100	184.562	9.277.898
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.704.554	-	-	-	1.704.554
Phân loại lại	-	(54.469)	915.985	(920.673)	(59.157)
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.055.673.292</u>	<u>866.036.731</u>	<u>28.943.649</u>	<u>8.586.806</u>	<u>2.959.240.478</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	(1.047.540.324)	(817.449.993)	(20.576.877)	(1.928.024)	(1.887.495.218)
Khấu hao trong năm	(68.244.841)	(16.153.056)	(1.007.533)	(348.253)	(85.753.683)
Khác	-	-	(406.897)	(94.514)	(501.411)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(1.115.785.165)</u>	<u>(833.603.049)</u>	<u>(21.991.307)</u>	<u>(2.370.791)</u>	<u>(1.973.750.312)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>939.888.127</u>	<u>32.433.682</u>	<u>6.952.342</u>	<u>6.216.015</u>	<u>985.490.166</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.006.428.414</u>	<u>40.443.971</u>	<u>6.554.687</u>	<u>7.394.893</u>	<u>1.060.821.965</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351.011.781.600 VND (31/12/2011: 380.085.179.069 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tổng giá trị là 860.757.681.755 VND (31/12/2011: 401.545.920.266 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	824.403.814.547	382.699.011.611
Dự án Thủy điện Vinh Sơn 2&3 (ii)	86.155.898.037	73.003.084.526
Khác	2.564.168.695	2.365.977.242
	913.123.881.279	458.068.073.379

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án thủy điện Vinh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	31.819.793.920	29.238.655.095
Tổng công nợ của công ty liên kết	4.626.231.688	3.207.921.454
Giá trị tài sản thuần	27.193.562.232	26.030.733.641
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	13.520.639.142	12.942.480.766
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	2.067.736.800	2.069.090.997
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	5.025.825.432	3.861.642.644
	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	17.459.912.731	17.661.871.312
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.792.150.227	13.578.313.365
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.741.613.876	6.553.287.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.612.783.429	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	230.732.272.872	138.991.840.328
Ngân hàng TMCP Đại Dương	66.413.226.350	84.084.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	69.689.758.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	8.665.192.300	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	109.382.822.227	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	19.551.244.650	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	9.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Tây	-	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	24.764.751.100	24.764.751.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	21.203.200.000	38.378.965.950
	<u>591.015.250.928</u>	<u>522.019.557.378</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3%/năm đến 6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 11,5%/năm đến 17,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Công ty đã sử dụng các hợp đồng tiền gửi trị giá 513.050.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay này.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	416.534.292	1.370.170.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.201.176.906	34.655.328.021
Thuế tài nguyên	632.400.728	2.501.079.834
Phí bảo vệ môi trường	35.015.880.480	18.064.621.600
Các loại thuế khác	1.662.346.715	1.699.620.025
	<u>67.928.339.121</u>	<u>58.290.820.405</u>

Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế GTGT và thuế TNDN của Công ty cho giai đoạn 2007-2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận về kết quả kiểm tra.

14. CÁC KHOẢN PHẢI, NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	38.033.354.500	126.351.142.500
Phải trả khác	271.575.839	345.430.333
	<u>38.304.930.339</u>	<u>126.696.572.833</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	176.749.734.857	201.514.485.957
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	15.626.800.000	36.830.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	19.500.000.000
	<u>211.876.534.857</u>	<u>257.844.485.957</u>

(i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 1% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn là 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất vay quá hạn là 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351.011.781.600 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

(ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 0018/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức vay là 52.096.000.000 VND, lãi suất: điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng vay vốn số HĐ 0022/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 27 tháng 9 năm 2010, hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng/lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06/03/2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số BDL.DN.02231210 ngày 26 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ VND. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng nhận lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

10/10/12
TY
UN
TE
M
HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	45.967.951.100	63.143.717.050
Trong năm thứ hai	39.083.951.101	45.963.951.100
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.487.329.030	70.841.150.002
Sau năm năm	124.305.254.726	141.037.384.855
	257.844.485.957	320.988.203.007
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	45.967.951.100	63.143.717.050
Số phải trả sau 12 tháng	211.876.534.857	257.844.485.957

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	364.237.178.628
Lợi nhuận trong năm	-	-	329.035.959.603
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	(404.482.492.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(1.435.822.791)
Chi khác	-	-	(180.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	287.174.823.440
Lợi nhuận trong năm	-	-	233.998.072.998
Công bố chia cổ tức trong năm (i)	-	-	(121.344.747.600)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(6.297.055.500)
Khác	-	-	(663.729.886)
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	392.867.363.452

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1108/2012/NQ-VSH-DHĐCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2012, Công ty đã công bố tạm chia cổ tức năm 2012 theo tỷ lệ 6%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 37.810.168.800 VND.

(ii) Bao gồm khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty mẹ năm 2012 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị với số tiền 5.742.055.500 VND. Số tạm trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2012 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cơ cấu góp vốn

	31/12/2012		31/12/2011	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

Cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	202.241.246	202.241.246
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	323.546.138.786	447.435.760.621
Doanh thu dịch vụ khác	8.644.781.033	11.979.595.426
	332.190.919.819	459.415.356.047

(*) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010, 2011 và năm 2012. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu năm 2010 và 11 tháng đầu năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu tháng 12 năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 76% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu năm 2012 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bình quân 382 VND/Kwh.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	149.310.672.361	179.029.230.854
Giá vốn hoạt động khác	5.266.757.525	6.705.162.138
	154.577.429.886	185.734.392.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.919.450.640	2.720.227.890
Chi phí nhân công	26.326.392.527	23.767.447.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.753.683.220	116.988.450.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.750.430.874	5.126.855.934
Chi phí khác	52.468.467.911	56.369.608.723
	<u>172.218.425.172</u>	<u>204.972.590.400</u>

20. LỢI NHUẬN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Doanh thu tài chính	97.758.266.312	138.203.880.107
Lãi tiền gửi ngân hàng	97.758.266.312	138.203.880.107
Chi phí tài chính	4.223.388.736	4.126.964.228
Lãi tiền vay	-	22.656.674.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(9.602.264.000)	9.602.264.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(5.378.875.264)	36.385.902.782
	<u>103.137.141.576</u>	<u>101.817.977.325</u>
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính		

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	265.533.099.820	363.691.287.624
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.741.613.876	7.241.518.918
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	263.791.485.944	356.449.768.706
Thu nhập chịu thuế		
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 5%	159.738.674.996	253.288.903.051
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 25%	104.052.810.948	103.160.865.655
	<u>34.000.136.487</u>	<u>38.454.661.566</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	-	3.799.333.545
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	2.465.109.665	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>31.535.026.822</u>	<u>34.655.328.021</u>

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	233.998.072.998	329.035.959.603
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	202.241.246	202.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.157	1.627

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần khối lượng công việc đã thực hiện là khoảng 94,4 tỷ VND.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và Hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công hầm dẫn nước (từ Km0+270 đến Km3+000) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 1.324.037.315.815 VND và 25.000.000 USD. Công ty tiếp tục ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 930/2011/BSHD-VSH-HHCR-18G của Hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 gia cố trong và ngoài hầm dẫn nước (từ Km0+000 đến Km0+270) và Phụ lục hợp đồng số 827/2012/PLHD-VSH-TH ngày 17 tháng 8 năm 2012 về việc xây dựng trạm phân phối điện với tổng giá trị lần lượt là 6.723.438.229 VND và 27.035.830.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng này là khoảng 172 tỷ VND.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	802.891.785.785	779.864.043.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.342.507.484	482.797.391.011
Nợ thuần	162.549.278.301	297.066.652.324
Vốn chủ sở hữu	2.450.450.780.532	2.344.757.181.053
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.342.507.484	482.797.391.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.808.736.769	244.438.199.071
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	699.583.062.000
Tổng cộng	988.269.570.253	1.426.818.652.082
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	802.891.785.785	779.864.043.335
Phải trả người bán và phải trả khác	49.363.359.340	151.813.026.147
Chi phí phải trả	3.516.009.993	3.779.331.868
Tổng cộng	855.771.155.118	935.456.401.350

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	296.581.927.897	352.822.633.385	-	-

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 14,83 tỷ VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 11,93 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam-Công ty Mua bán điện EPTC (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 143.299.041.484 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.342.507.484	-	640.342.507.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.808.736.769	-	166.808.736.769
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	-	181.118.326.000
Tổng cộng	988.269.570.253	-	988.269.570.253
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.363.359.340	-	49.363.359.340
Chi phí phải trả	3.516.009.993	-	3.516.009.993
Các khoản vay	591.015.250.928	211.876.534.857	802.891.785.785
Tổng cộng	643.894.620.261	211.876.534.857	855.771.155.118
Chênh lệch thanh khoản thuần	344.374.949.992	(211.876.534.857)	132.498.415.135
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	482.797.391.011	-	482.797.391.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.438.199.071	-	244.438.199.071
Đầu tư ngắn hạn	699.583.062.000	-	699.583.062.000
Tổng cộng	1.426.818.652.082	-	1.426.818.652.082
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	151.813.026.147	-	151.813.026.147
Chi phí phải trả	3.779.331.868	-	3.779.331.868
Các khoản vay	522.019.557.378	257.844.485.957	779.864.043.335
Tổng cộng	677.611.915.393	257.844.485.957	935.456.401.350
Chênh lệch thanh khoản thuần	749.206.736.689	(257.844.485.957)	491.362.250.732

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	323.546.138.786	447.435.760.621
Lãi cho vay EVN	45.998.375.345	46.714.180.211
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	-	3.489.097.222
Cổ tức		
Số cổ tức công bố chia trong năm:		
Cho EVN	37.810.168.800	126.033.896.000
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	29.698.758.000	98.995.860.000
Số cổ tức trả trong năm (bằng tiền hoặc bù trừ công)		
Cho EVN	126.033.896.000	-
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	29.698.758.000	98.995.860.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	1.163.455.500	5.331.780.113
Đầu tư		
Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	-	25.000.000.000

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	143.299.041.484	218.389.639.601
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	37.810.168.800	126.033.896.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	100.000.000.000	500.000.000.000

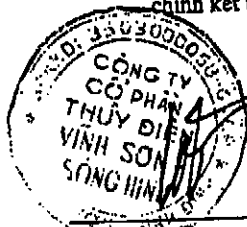
Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.992.021.563	1.521.873.191

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập